



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	Nữ	01	245	5,3	01	An	le
2	000002	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	Nữ	01	246	6,5	01	Anh	chấn
3	000003	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	Nữ	01	247	6,5	01	Anh	le
4	000004	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	Nữ	01	248	7,0	01	Anh	chấn
5	000005	1201031538	Quản Vân	Anh	04/05/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
6	000006	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	Nữ	01	249	6,8	02	Đaech	chấn
7	000007	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	250	7,8	01	Anh	le
8	000008	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	251	6,5	01	Minh	chấn
9	000009	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	Nam	01	252	6,5	01	Đạt	le
10	000010	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	Nữ	01	253	4,8	01	Diệp	chấn
11	000011	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	254	6,3	01	Dương	le
12	000012	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	Nữ	01	255	4,8	01	Hà	chấn
13	000013	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	Nữ	01	256	4,8	01	Hằng	le
14	000014	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	Nữ	01	257	4,8	01	Hiền	chấn
15	000015	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	Nữ	01					Vàng
16	000016	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	Nữ	01	258	2,8	01	Huyền	chấn
17	000017	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	Nữ	01	259	5,5	01	Huyền	le
18	000018	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	Nam	01	260	3,5	01	Kiệt	chấn
19	000019	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	Nữ	01	261	3,5	01	lan	le
20	000020	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	Nữ	01	262	3,8	01	Đinh	chấn
21	000021	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	Nữ	01					HP
22	000022	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	Nữ	01	263	4,5	01	Linh	chấn
23	000023	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	Nữ	01	264	5,8	01	Loan	le
24	000024	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	Nữ	01	265	6,5	01	Mai	chấn
25	000025	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	Nữ	01	266	4,0	01	My	le
26	000026	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	Nữ	01	267	7,8	01	Nga	chấn
27	000027	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	Nữ	01	268	5,5	01	Ngọc	le
28	000028	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	Nữ	01	269	9,0	02	Ngọc	chấn
29	000029	1201020333	Khuông Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	Nữ	01	270	7,0	01	Nhi	le
30	000030	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	Nữ	01	271	8,8	02	Danh	chấn
31	000031	1201021787	Lý Thu	Phương	14/10/2006	KD12A	Nữ	01	272	3,0	01	Phước	le
32	000032	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	Nữ	01	273	4,0	01	Thảo	chấn
33	000033	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	Nữ	01					ĐK
34	000034	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	Nữ	01	274	3,3	01	TD	chấn
35	000035	1201020419	Vũ Thị Thu	Thùy	22/07/2006	KD12A	Nữ	01	275	7,3	02	Thủy	le
36	000036	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	Nữ	01	276	4,3	01	Trang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 37

Tổng số biên bản: 8

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Ch�u

Đoàn Thị Huệ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000037	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	Nữ	01	311	4,8	01	Trang	lẻ
2	000038	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	Nữ	01	312	7,0	01	Vân	chẵn
3	000039	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	Nữ	01	313	2,8	01	Vui	lẻ
4	000040	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	Nữ	01	314	4,0	01	Yến	chẵn
5	000041	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	Nam	01	315	4,5	01	Dũng	lẻ
6	000042	1201020051	Dương Huyền	Phương Anh	30/10/2006	KD12B	Nữ	02	316	6,2	01	Anh	chẵn
7	000043	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	Nữ	02					HP,ĐK
8	000044	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	Nữ	02	317	3,3	01	Anh	chẵn
9	000045	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	Nữ	02	318	6,0	01	Anh	lẻ
10	000046	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	Nữ	02	319	8,1	01	Chi	chẵn
11	000047	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	320	3,8	01	Chi	lẻ
12	000048	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	Nữ	02	321	4,3	01	Chi	chẵn
13	000049	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	Nữ	02	322	3,5	01	Dung	lẻ
14	000050	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	323	2,8	01	Dương	chẵn
15	000051	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	Nữ	02	324	5,0	01	Dương	lẻ
16	000052	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	Nữ	02	325	8,0	01	Giang	chẵn
17	000053	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	Nữ	02	326	6,3	01	Hà	lẻ
18	000054	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	Nữ	02	327	8,0	01	Hằng	chẵn
19	000055	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	Nữ	02	328	5,5	01	Hiền	lẻ
20	000056	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	Nữ	02	329	3,8	01	Hoa	chẵn
21	000057	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	Nữ	02	330	5,0	01	Hoài	lẻ
22	000058	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	Nữ	02					HP,ĐK
23	000059	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	Nữ	02	331	3,8	01	Hương	lẻ
24	000060	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	Nữ	02	332	2,8	01	Huyền	chẵn
25	000061	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	Nữ	02	333	8,0	01	Lan	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 23

Tổng số tờ giấy thi: 23

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thúy Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000062	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	277	5.0	1	Linh	chấn
2	000063	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	278	4.3	1	Linh	lẻ
3	000064	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	Nữ	02	279	3.3	1	Loan	chấn
4	000065	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	Nữ	02	280	5.0	1	Ly	lẻ
5	000066	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	Nữ	02	281	4.0	1	My	chấn
6	000067	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	Nữ	02	282	5.0	1	Nga	lẻ
7	000068	1201020308	Khuong Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	Nữ	02	283	4.5	1	Ngân	chấn
8	000069	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	Nữ	02	284	3.5	1	Ngân	lẻ B.1
9	000070	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	Nữ	02	285	5.0	1	Nguyệt	chấn
10	000071	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	Nữ	02	286	5.0	1	Nhi	lẻ
11	000072	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KD12B	Nữ	02	287	3.8	1	Nhi	chấn
12	000073	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	Nữ	02	288	4.8	1	Nhung	lẻ
13	000074	1201020359	Ngô Thị Minh	Phuong	19/02/2006	KD12B	Nữ	02	289	1.8	1	Phuong	chấn
14	000075	1201020368	Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	Nữ	02	290	4.3	1	Quyên	lẻ
15	000076	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	Nữ	02	309	3.0	1	Thảo	chấn
16	000077	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	Nữ	02	291	4.8	1	Thảo	lẻ
17	000078	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	Nữ	02	292	5.0	1	Thảo	chấn
18	000079	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	Nữ	02	293	5.8	1	Thu	lẻ
19	000080	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	Nữ	02	294	4.0	1	Thương	chấn
20	000081	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	Nữ	02	295	3.3	1	Thúy	lẻ
21	000082	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	Nam	02					ĐK
22	000083	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	Nữ	02	296	4.5	1	Toán	lẻ
23	000084	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	Nữ	02	297	6.3	1	Trang	chấn
24	000085	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	298	6.0	1	Trang	lẻ
25	000086	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	Nữ	02	299	4.3	1	Trang	chấn
26	000087	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	Nữ	02	300	6.5	1	Tươi	lẻ
27	000088	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	Nữ	02	301	4.8	1	Vi	chấn
28	000089	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	Nữ	02	302	4.0	1	Vy	lẻ
29	000090	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	303	3.0	1	Yến	chấn
30	000091	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	Nữ	03	304	5.0	1	Anh	lẻ
31	000092	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	Nam	03	305	2.3	1	Anh	chấn
32	000093	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	Nữ	03	306	6.0	1	Anh	lẻ
33	000094	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	Nữ	03	307	4.0	1	Anh	chấn
34	000095	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	Nữ	03					HP, ĐK
35	000096	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	308	4.5	1	Chi	chấn
36	000097	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	Nữ	03	310	5.8	1	Cúc	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản: 04

Ngày 12 tháng 11 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Nga

Phan Thúy Nga



740 - 774

Phòng thi: 4
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000098	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	Nam	03	740	7,0	01	Đạt	Chấn
2	000099	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	Nữ	03	741	5,0	01	Diễm	Lẻ
3	000100	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	Nữ	03	742	7,5	01	Diệu	Chấn
4	000101	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	Nữ	03	743	4,3	01	Dung	HP Lẻ
5	000102	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	Nữ	03	744	5,8	01	Dương	Chấn
6	000103	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	Nữ	03	745	7,0	01	Giang	Lẻ
7	000104	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	Nữ	03	746	3,5	01	Hà	Chấn
8	000105	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	Nữ	03	747	6,5	01	Hằng	Lẻ
9	000106	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	Nữ	03	748	5,0	01	Hiền	Chấn
10	000107	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	Nam	03	749	4,5	01	Hiếu	Lẻ
11	000108	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	Nữ	03	750	3,3	01	Hoài	Chấn
12	000109	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	Nữ	03	751	4,5	01	Hương	Lẻ
13	000110	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	Nữ	03	752	4,8	01	Huyền	Chấn
14	000111	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	Nữ	03	753	3,8	01	Khanh	Lẻ
15	000112	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	Nam	03	754	1,8	01	Khánh	Chấn
16	000113	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	755	3,8	01	Lam	Lẻ
17	000114	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	Nữ	03	756	5,8	01	Lan	Chấn
18	000115	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	Nữ	03	757	Khống	01	Linh	Lẻ BB
19	000116	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	Nữ	03					HP, DK
20	000117	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	Nam	03	758	4,0	01	Luân	Lẻ
21	000118	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	Nữ	03	759	3,5	01	Nga	Chấn
22	000119	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	Nữ	03	760	2,8	01	Ngân	Lẻ
23	000120	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	Nữ	03	761	3,5	01	Ngọc	Chấn
24	000121	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	762	6,0	01	Ngọc	Lẻ
25	000122	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	Nữ	03	763	4,5	01	Nhài	Chấn
26	000123	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	764	6,5	01	Nhi	Lẻ
27	000124	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	Nữ	03	765	4,3	01	Phương	Chấn
28	000125	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	Nữ	03	766	5,5	01	Phùng	Lẻ
29	000126	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	Nữ	03	767	5,0	01	Quỳnh	Chấn
30	000127	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	Nữ	03	768	4,3	01	Tâm	Lẻ
31	000128	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	Nữ	03	769	2,5	01	Thảo	Chấn
32	000129	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	Nữ	03	770	4,3	01	Thư	Lẻ
33	000130	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	Nữ	03	771	3,3	01	Thùy	Chấn
34	000131	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	Nữ	03	772	3,8	01	Trang	Lẻ
35	000132	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	Nữ	03	773	3,3	01	Trang	Chấn
36	000133	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	774	8,3	01	Trang	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Le Thị Phuong Hoa

Nguyễn Thanh Bình



706-739

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	Nữ	03	723	6,5	1	Trang	Chấn
2	000135	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	Nam	03	706	4,0	1	Trung	Lê
3	000136	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	707	9,0	2	Vi	Chấn
4	000137	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	Nữ	03	708	5,8	1	Xuân	Lê
5	000138	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	Nữ	03	709	9,0	2	Yến	Chấn
6	000139	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	Nữ	04	710	6,8	1	Anh	Lê
7	000140	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	Nữ	04	711	3,3	1	Anh	Chấn
8	000141	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	Nữ	04					Chấn
9	000142	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	Nữ	04	712	3,8	1	Anh	Chấn
10	000143	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	713	6,8	1	Anh	Lê
11	000144	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	Nữ	04	714	Không	1	Anh	Chấn BB-100%
12	000145	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	Nữ	04	715	5,0	1	Anh	Lê
13	000146	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	Nữ	04	716	5,5	1	Chi	Chấn
14	000147	1201021477	Phạm Lê	Diễm	23/06/2006	KD12D	Nữ	04	717	6,0	1	Diễm	Lê
15	000148	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	Nữ	04	718	5,5	1	Dung	Chấn
16	000149	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	Nữ	04	719	Không	1	Dương	Lê BB-100%
17	000150	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	Nữ	04	720	4,5	1	Giang	Chấn
18	000151	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	Nữ	04					HP,ĐK
19	000152	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	Nữ	04	721	4,5	1	Hân	Chấn
20	000153	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	Nữ	04	722	4,3	1	Hạnh	Lê
21	000154	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	Nữ	04	724	6,0	1	Hiền	Chấn
22	000155	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	Nam	04	725	3,5	1	Hình	Lê
23	000156	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	Nữ	04	726	5,5	1	Hương	Chấn
24	000157	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	727	6,0	1	Huyền	Lê
25	000158	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	Nữ	04	728	4,3	01	Khanh	Chấn
26	000159	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	Nam	04	729	2,5	1	Khôi	Lê
27	000160	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	Nam	04	730	2,8	1	Lâm	Chấn
28	000161	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	Nữ	04	731	4,5	1	Lan	Lê
29	000162	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	Nữ	04	732	5,0	1	Linh	Chấn
30	000163	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	Nữ	04	733	3,0	1	Linh	Lê
31	000164	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	Nữ	04	734	2,5	1	Ly	Chấn
32	000165	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	Nữ	04	735	4,3	1	Mẫn	Lê
33	000166	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	Nữ	04	736	1,5	1	Minh	Chấn
34	000167	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	Nữ	04	737	Không	1	My	Lê BB-100%
35	000168	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	Nữ	04	738	5,0	1	Ngân	Chấn
36	000169	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	Nữ	04	739	2,3	1	Ngọc	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 03

Ngày 12 tháng 1 năm 2024

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. T. Hương

Bùi Thị Ngọc Minh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

Đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000170	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	Nữ	04	199	7,5	01	HT	chấn
2	000171	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	Nữ	04	200	5,3	01	Nhi	lẻ
3	000172	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	Nữ	04	201	6,8	01	Bnh	chấn
4	000173	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	Nữ	04	202	6,0	01	Ninh	lẻ
5	000174	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	Nam	04	203	5,5	01	Phương	chấn
6	000175	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	Nữ	04	204	5,3	01	Ph	lẻ
7	000176	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	Nữ	04					HP
8	000177	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	Nam	04	205	5,5	01	Tân	lẻ
9	000178	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	206	8,3	01	Thảo	chấn
10	000179	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	Nữ	04	207	8,5	01	Thảo	lẻ
11	000180	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	Nữ	04	208	6,3	01	Thủy	chấn
12	000181	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	Nữ	04	209	5,5	01	Trà	lẻ
13	000182	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	Nữ	04	210	6,0	01	HT	chấn
14	000183	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	Nữ	04	211	5,8	01	Trang	lẻ
15	000184	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	Nữ	04	212	7,5	01	Trang	chấn
16	000185	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	Nữ	04	213	5,3	01	Trang	lẻ
17	000186	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	Nữ	04	214	8,0	01	Trang	chấn
18	000187	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	Nữ	04	215	5,8	01	Uyên	lẻ
19	000188	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	Nam	04	216	6,0	01	Vĩ	chấn
20	000189	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	Nữ	04	217	5,5	01	Thu	lẻ
21	000190	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	Nữ	04	218	5,5	01	Yến	chấn
22	000191	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	Nữ	05	219	5,3	01	Anh	lẻ
23	000192	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	Nữ	05	220	4,3	01	Anh	chấn
24	000193	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	221	6,0	01	Anh	lẻ
25	000194	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	Nữ	05	222	5,8	01	Anh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 24

Tổng số tờ giấy thi: 24

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Huyền Thanh

Nguyễn Thị Minh Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000195	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	Nữ	05	526	6,0	2	Ánh	lẻ
2	000196	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	Nữ	05	527	3,5	1	Chi	chẵn
3	000197	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	Nam	05	528	5,3	1	Cường	lẻ
4	000198	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	Nữ	05	529	2,5	1	Diễm	chẵn
5	000199	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	Nữ	05	530	2,5	1	Thuy	lẻ
6	000200	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	Nữ	05	531	4,8	2	Hà	chẵn
7	000201	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	Nữ	05	532	3,5	1	Lê	lẻ
8	000202	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	Nữ	05	533	1,5	1	Dương	chẵn
9	000203	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	Nữ	05	534	3,5	1	Hà	lẻ
10	000204	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	Nữ	05	535	4,5	1	Hà	chẵn
11	000205	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	536	2,5	1	Thuy	lẻ
12	000206	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	Nữ	05	537	7,4	1	Hà	chẵn
13	000207	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	Nữ	05	538	3,3	1	Thuy	lẻ
14	000208	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	Nữ	05	539	7,0	1	Hoa	chẵn
15	000209	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	Nữ	05	540	4,0	1	Hồng	lẻ
16	000210	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	Nữ	05					Vắng
17	000211	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	541	4,3	1	Hương	lẻ
18	000212	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	Nữ	05	542	3,5	1	Thuy	chẵn
19	000213	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	543	5,5	1	Khánh	lẻ
20	000214	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	Nữ	05	544	7,3	2	Khuê	chẵn
21	000215	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	Nam	05	545	4,8	1	Lâm	lẻ
22	000216	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	Nữ	05	546	6,6	1	Thuy	chẵn
23	000217	1201020245	Lê Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	547	4,8	1	Linh	lẻ
24	000218	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	Nữ	05	548	6,5	02	Loan	chẵn
25	000219	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	Nữ	05	549	5,8	01	Thuy	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 24

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng

Nguyễn T. Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

Đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	Nữ	05	369	5,3	01	mai	chấn
2	000221	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	369	8,5	01	Mai	lẻ
3	000222	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	Nam	05	370	6,0	01	Mi	Chấn
4	000223	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	Nữ	05	371	7,5	01	Ngát	lẻ
5	000224	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	372	6,8	01	Ngọc	Chấn
6	000225	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyễn	16/09/2006	KD12E	Nữ	05	373	7,3	01	Nguyễn	Lẻ
7	000226	1201021813	Đỗ Trần Yên	Nhi	07/06/2006	KD12E	Nữ	05	374	3,8	01	Nhi	chấn
8	000227	1201020341	Trương Thị Yên	Nhi	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	375	7,5	02	Nhi	lẻ
9	000228	1201020343	Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	Nữ	05					HP,ĐK
10	000229	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	Nữ	05	376	8,5	02	Ninh	lẻ
11	000230	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	Nữ	05	377	5,5	01	Phước	Chấn
12	000231	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	Nữ	05	378	5,5	01	Quỳnh	lẻ
13	000232	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	Nữ	05	379	8,5	01	Thanh	chấn
14	000233	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	Nữ	05	380	8,8	01	Thảo	lẻ
15	000234	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	Nữ	05	381	5,5	01	Thư	chấn
16	000235	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	Nữ	05	382	9,0	01	Thủy	lẻ
17	000236	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	Nữ	05	383	9,0	02	Trâm	chấn
18	000237	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	Nữ	05	384	8,0	01	Trang	lẻ
19	000238	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	Nữ	05	385	6,5	01	Trang	chấn
20	000239	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	Nữ	05	386	7,0	01	Trang	lẻ
21	000240	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	Nữ	05	387	6,0	01	SK	chấn
22	000241	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	Nữ	05	388	8,0	01	Thư	lẻ
23	000242	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	Nam	05	389	3,0	01	V. cét	Chấn
24	000243	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	Nữ	06	390	7,8	01	Anh	lẻ
25	000244	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	391	7,0	01	2	Chấn
26	000245	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	Nữ	06	392	5,3	01	Anh	lẻ
27	000246	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	393	5,5	01	Anh	chấn
28	000247	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	Nữ	06	394	4,5	02	Ánh	lẻ
29	000248	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	Nữ	06	395	5,5	01	Anh	chấn
30	000249	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	Nữ	06	396	6,3	01	Chi	lẻ
31	000250	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	Nữ	06	397	7,0	02	Đào	Chấn
32	000251	1201020114	Hoàng Thị	Điềm	10/01/2005	KD12G	Nữ	06	398	8,5	01	Điềm	lẻ
33	000252	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	399	5,0	01	Dịu	chấn
34	000253	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	Nữ	06	400	7,0	02	Tha	lẻ
35	000254	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	Nam	06	401	4,0	1	Duy	chấn
36	000255	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	Nữ	06	402	6,5	1	Hà	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35
Tổng số tờ giấy thi: 39+01 = 40
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 2

Hoàng
Trương Thị Phụng loan

2/11
Trần N. Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000256	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	Nữ	06	334	3,8	01	Hải	chấn
2	000257	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	Nữ	06	335	3,0	01	Hân	lê
3	000258	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	Nữ	06	336	5,5	01	Hạnh	chấn
4	000259	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	Nữ	06	337	4,5	01	Hiền	lê
5	000260	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	Nữ	06	338	9,0	01	Hiền	chấn
6	000261	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	339	4,0	01	Huế	lê
7	000262	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	Nữ	06	340	7,8	01	ly	chấn
8	000263	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	Nam	06	341	4,0	01	Huy	lê
9	000264	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	342	7,0	01	Huyền	chấn
10	000265	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	Nam	06	343	5,3	01	Khánh	lê
11	000266	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	Nam	06	344	3,5	01	Kiên	chấn
12	000267	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	Nữ	06	345	5,5	01	Lan	lê
13	000268	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	346	5,8	01	Linh	chấn
14	000269	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	Nữ	06	347	7,8	01	Hoàng	lê
15	000270	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	Nữ	06	348	4,3	01	Loan	chấn
16	000271	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	Nữ	06	349	7,5	01	Ly	lê
17	000272	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	Nữ	06	350	một	01	Mai	chấn
18	000273	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	Nam	06	351	2,3	01	Minh	chấn
19	000274	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	Nam	06	352	3,8	01	Nam	chấn
20	000275	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	353	5,8	01	Bảo	lê
21	000276	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	Nam	06	354	4,3	01	Nghiêm	chấn
22	000277	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	Nữ	06	355	5,0	01	Nhi	lê
23	000278	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	Nữ	06	356	7,0	01	Như	chấn
24	000279	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	357	7,5	01	Oanh	lê
25	000280	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	Nam	06	358	4,0	01	Phát	chấn
26	000281	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	Nữ	06	359	6,3	01	Phương	lê
27	000282	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	Nữ	06	360	6,3	01	Phượng	chấn
28	000283	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	361	5,8	01	Hương	lê
29	000284	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	Nữ	06	362	5,5	01	Thảo	chấn (một)
30	000285	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	Nữ	06					HP, ĐK
31	000286	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	Nữ	06	363	6,3	01	Thảo	chấn
32	000287	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	364	7,8	01	Thư	lê
33	000288	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	Nữ	06	365	4,0	01	Thủy	chấn
34	000289	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	Nữ	06	366	5,8	01	Trâm	lê
35	000290	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	367	7,0	01	Trang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 34.....

Tổng số biên bản: 0.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Nguyễn T. Kim Dung

Phạm Thị Chanh



123 - 154

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000291	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	Nữ	06	123	5,0	1	Trang	lẻ
2	000292	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	Nữ	06	124	2,3	1	Trang	HP (Đã nộp)
3	000293	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	Nam	06	125	4,5	1	Trung	lẻ
4	000294	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	Nam	06	126	6,8	2	Tuấn	chẵn
5	000295	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	Nữ	06	127	2,8	1	Vân	lẻ
6	000296	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	Nam	06	128	4,3	1	Đào	chẵn
7	000297	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	Nữ	07	129	5,8	1	Anh	lẻ
8	000298	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	Nữ	07	130	7,0	1	Anh	chẵn
9	000299	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	Nữ	07	131	4,0	1	P.Anh	lẻ
10	000300	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	Nam	07	132	4,8	2	Anh	chẵn
11	000301	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	Nữ	07	133	5,8	1	Anh	lẻ
12	000302	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	Nữ	07	134	6,9	1	Anh	chẵn
13	000303	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	Nữ	07	135	6,3	1	Anh	lẻ
14	000304	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	Nữ	07	136	8,0	1	Chi	chẵn
15	000305	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	Nam	07	137	6,0	1	Đạt	lẻ
16	000306	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC12A	Nữ	07	138	4,0	1	Diệp	chẵn
17	000307	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	Nữ	07	139	6,0	1	Dung	lẻ
18	000308	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	Nữ	07	140	5,8	1	Dương	chẵn
19	000309	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	Nam	07	141	5,8	1	Duy	lẻ
20	000310	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	Nữ	07	142	9,3	2	Duyên	chẵn
21	000311	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	Nam	07	143	8,0	1	Hà	lẻ
22	000312	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	Nữ	07	144	6,9	1	Hà	chẵn
23	000313	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	Nữ	07	145	2,3	1	Hằng	lẻ
24	000314	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	Nữ	07	146	4,5	1	Hiếu	chẵn
25	000315	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	Nam	07	147	2,8	1	Hiếu	lẻ
26	000316	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	Nữ	07	148	7,8	1	Hoài	chẵn
27	000317	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	Nam	07					ĐK
28	000318	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	Nữ	07	149	5,5	1	Huệ	
29	000319	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	Nam	07					ĐK
30	000320	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	Nữ	07	150	7,5	1	Lan	chẵn
31	000321	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	Nữ	07	151	5,0	1	Linh	lẻ
32	000322	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	Nữ	07	152	3,8	1	Linh	chẵn
33	000323	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	Nữ	07					HP, ĐK
34	000324	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	Nữ	07	153	5,6	1	Linh	chẵn
35	000325	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	Nữ	07	154	7,3	1	Linh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Mai

Đỗ Thu Hương



1 - 31

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000326	1201011316	Trịnh Lê	Khánh Linh	16/01/2006	TC12A	Nữ	07	1	3.5	01	<i>linh</i>	<i>chấn</i>
2	000327	1201030939	Vũ	Khánh Linh	25/01/2006	TC12A	Nữ	07	2	7.5	01	<i>Pháp</i>	<i>le?</i>
3	000328	1201011328	Nguyễn Thị	Ngọc Mai	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	3	6.3	01	<i>9E</i>	<i>chấn</i>
4	000329	1201011329	Phạm	Ngọc Mai	27/05/2006	TC12A	Nữ	07	4	7.8	01	<i>Mai</i>	<i>le?</i>
5	000330	1201011332	Bùi	Tiến Minh	19/12/2006	TC12A	Nam	07	5	6.5	02	<i>tiến</i>	<i>chấn</i>
6	000331	1201011334	Đinh	Nhật Minh	25/11/2006	TC12A	Nam	07	6	5.3	01	<i>Minh</i>	<i>le?</i>
7	000332	1201011349	Nguyễn Thị	Kim Ngân	12/11/2006	TC12A	Nữ	07	7	5.5	01	<i>Ngân</i>	<i>chấn</i>
8	000333	1201030994	Bùi	Minh Ngọc	06/09/2006	TC12A	Nữ	07	8	6.5	02	<i>Ngọc</i>	<i>le?</i>
9	000334	1201011354	Lưu	Minh Ngọc	17/10/2006	TC12A	Nữ	07	10	6.5	01	<i>Ngọc</i>	<i>chấn</i>
10	000335	1201011358	Dư Thị	Thảo Nguyên	17/01/2006	TC12A	Nữ	07	9	7.8	01	<i>Nguyên</i>	<i>le?</i>
11	000336	1201011362	Bùi Phan	Hà Nhi	17/03/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
12	000337	1201011367	Đỗ	Hồng Nhung	16/02/2006	TC12A	Nữ	07	11	6.0	01	<i>Nhung</i>	
13	000338	1201011380	Hoàng	Lan Phương	13/08/2006	TC12A	Nữ	07					HP,ĐK
14	000339	1201011382	Nguyễn	Nam Phương	01/10/2006	TC12A	Nam	07	12	5.8	01	<i>Phương</i>	<i>le?</i>
15	000340	1201011391	Nguyễn	Mạnh Quyền	11/10/2006	TC12A	Nam	07	13	4.3	01	<i>Quyền</i>	<i>chấn</i>
16	000341	1201011397	Trần	Thái Sơn	16/06/2006	TC12A	Nam	07					HP,ĐK
17	000342	1201011399	Đỗ	Thanh Tâm	16/09/2006	TC12A	Nữ	07	14	7.8	02	<i>Tâm</i>	<i>chấn</i>
18	000343	1201011401	Nguyễn	Minh Tâm	07/05/2006	TC12A	Nữ	07	15	4.8	01	<i>Tâm</i>	<i>le?</i>
19	000344	1201011406	Hà	Phương Thảo	11/12/2004	TC12A	Nữ	07	16	7.0	01	<i>Thảo</i>	<i>chấn</i>
20	000345	1201011602	Phạm	Phương Thảo	29/09/2006	TC12A	Nữ	07	17	5.3	01	<i>Thảo</i>	<i>le?</i>
21	000346	1201011413	Mai	Tiến Thọ	25/03/2006	TC12A	Nam	07	18	2.0	01	<i>Thọ</i>	<i>chấn</i>
22	000347	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
23	000348	1201011423	Lê	Thị Thùy	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	19	7.5	02	<i>Thùy</i>	<i>chấn</i>
24	000349	1201011630	Lưu	Quỳnh Trâm	16/07/2006	TC12A	Nữ	07	20	7.5	01	<i>trâm</i>	<i>le?</i>
25	000350	1201011437	Đỗ	Hà Trinh	04/11/2006	TC12A	Nữ	07	21	4.0	01	<i>Trinh</i>	<i>chấn</i>
26	000351	1201011440	Hoàng	Ngọc Tú	03/01/2006	TC12A	Nam	07	22	4.3	01	<i>Tú</i>	<i>le?</i>
27	000352	1201011449	Nguyễn	Xuân Tùng	27/12/2006	TC12A	Nam	07	23	3.5	01	<i>Tùng</i>	<i>chấn</i>
28	000353	1201011160	Lê	Mai Anh	24/10/2006	TC12B	Nữ	08	24	8.8	01	<i>anh</i>	<i>le?</i>
29	000354	1201011171	Nguyễn	Phương Anh	15/09/2006	TC12B	Nữ	08	25	7.0	01	<i>Phân</i>	<i>chấn</i>
30	000355	1201011581	Nguyễn Thị	Lan Anh	01/07/2006	TC12B	Nữ	08	26	7.8	01	<i>Anh</i>	<i>le?</i>
31	000356	1201011179	Phạm Thị	Vân Anh	09/03/2006	TC12B	Nữ	08	27	3.0	01	<i>Anh</i>	<i>chấn</i>
32	000357	1201011183	Trần	Phương Anh	06/07/2006	TC12B	Nữ	08	28	3.5	01	<i>Anh</i>	<i>le?</i>
33	000358	1201011187	Vũ	Lan Anh	26/03/2005	TC12B	Nữ	08	29	4.0	01	<i>Anh</i>	<i>chấn</i>
34	000359	1201011192	Phí	Thái Bảo	14/03/2006	TC12B	Nữ	08	30	5.8	01	<i>Bảo</i>	<i>le?</i>
35	000360	1201011584	Trần	Tuấn Đạt	30/09/2006	TC12B	Nam	08	31	5.0	01	<i>Đạt</i>	<i>chấn</i>

Tổng số sinh viên dự thi: *31*.....

Tổng số tờ giấy thi: *3.5*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *12* tháng *01* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Vân

Lê Thị Mui Hoa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000361	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	Nam	08	622	5,3	01	Duy	chẵn
2	000362	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	Nam	08					vắng
3	000363	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	Nam	08	623	4,3	01	Hải	HP đã nộp.
4	000364	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	Nữ	08	624	6,5	1	Hạnh	chẵn
5	000365	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	625	4,8	1	Hiền	lẻ
6	000366	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	Nam	08	626	5,8	1	Hiếu	
7	000367	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	Nữ	08	627	6,5	01	Hoa	lẻ
8	000368	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	Nam	08					HP,ĐK
9	000369	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	628	7,0	01	Hương	Lẻ
10	000370	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	Nữ	08	629	8,7	02	Huyền	chẵn
11	000371	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	Nam	08					HP,ĐK
12	000372	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	Nữ	08	630	5,0	01	Linh	chẵn
13	000373	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	Nữ	08	631	6,3	01	Linh	lẻ
14	000374	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	Nữ	08	632	5,8	01	Linh	chẵn
15	000375	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	Nữ	08	633	7,0	01	Khánh	lẻ
16	000376	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	Nữ	08	634	5,8	01	Linh	chẵn
17	000377	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	635	6,5	01	Linh	lẻ
18	000378	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	Nam	08	636	2,5	01	Long	chẵn
19	000379	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	Nữ	08	637	7,8	01	Mai	lẻ
20	000380	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	Nam	08	638	5,0	01	Minh	chẵn
21	000381	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	Nam	08	639	5,8	01	Minh	lẻ
22	000382	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	Nữ	08	640	6,8	01	Mỹ	chẵn
23	000383	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	Nữ	08	641	4,3	01	Ngọc	chẵn
24	000384	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	Nữ	08	642	7,5	01	Ngọc	chẵn
25	000385	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	Nữ	08	643	8,0	01	Nguyễn	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hồng Thủy

Trần Thị Lương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

chấm/đ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000386	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	Nữ	08	403	4,6	1	Nhi	chấm
2	000387	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	Nữ	08	404	7,3	1	Nhi	lẻ
3	000388	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	Nữ	08	405	5,0	1	Nhung	chấm
4	000389	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	Nam	08	406	3,8	1	Phong	lẻ
5	000390	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	Nam	08	407	7,7	1	Phú	chấm
6	000391	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	Nữ	08	408	6,3	1	Phương	lẻ
7	000392	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	Nữ	08	409	6,8	1	Phương	chấm
8	000393	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	Nam	08	410	3,5	1	Quang	lẻ
9	000394	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	Nam	08	411	4,1	1	Quyết	chấm
10	000395	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	Nữ	08	412	7,5	1	Tâm	lẻ
11	000396	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	Nam	08	413	8,7	1	Tâm	chấm
12	000397	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	Nữ	08	414	6,8	1	Thanh	lẻ
13	000398	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	Nữ	08	415	8,0	1	Thảo	chấm
14	000399	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	Nữ	08	416	7,3	1	Thảo	lẻ
15	000400	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	Nam	08	417	3,0	1	Thuận	chấm
16	000401	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	Nữ	08	418	3,5	1	Trà	lẻ
17	000402	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	Nam	08	419	2,8	1	Trường	chấm
18	000403	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	Nam	08	420	6,3	1	Tú	lẻ
19	000404	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	421	5,5	1	Vy	chấm
20	000405	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	Nữ	09	422	6,0	1	Anh	lẻ
21	000406	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	Nam	09					HP, ĐK
22	000407	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	Nam	09	423	2,3	1	Anh	lẻ
23	000408	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	Nữ	09					HP
24	000409	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	Nữ	09	424	2,5	1	Anh	lẻ
25	000410	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	Nữ	09	425	6,0	1	Anh	chấm
26	000411	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	Nam	09					ĐK
27	000412	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	Nữ	09	426	9,0	2	Chinh	chấm
28	000413	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	Nam	09	427	2,5	1	Đạt	lẻ
29	000414	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	Nam	09	428	2,3	1	Đức	chấm
30	000415	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	Nam	09					Vắng
31	000416	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	Nữ	09	429	5,8	1	Hân	chấm
32	000417	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	Nữ	09	430	5,3	1	Hiền	lẻ
33	000418	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	Nam	09	431	3,2	1	Hiếu	chấm
34	000419	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	Nam	09	432	3,3	1	Hiếu	lẻ
35	000420	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	Nam	09	433	3,2	1	Huy	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 14 tháng 01 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thắng

Phan Tiến Thil



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000421	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	Nữ	09	434	5,0	1	Thuệ	le
2	000422	1201011273	Nguyễn Đức	Hung	18/01/2006	NH12B	Nam	09	435	3,5	1	Hùng	chấn
3	000423	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	Nữ	09	436	6,0	1	Hường	le
4	000424	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	Nam	09	437	3,5	1	Huy	chấn
5	000425	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	Nam	09	438	3,3	1	Huy	lò
6	000426	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	Nữ	09	439	6,5	1	Huyền	chấn
7	000427	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	Nam	09	440	5,3	1	Khoa	le
8	000428	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	Nam	09	441	3,5	1	Liêm	chấn
9	000429	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	Nữ	09	442	4,0	1	Linh	le
10	000430	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	Nữ	09	443	4,8	1	Linh	chấn
11	000431	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	Nữ	09	444	5,5	1	Linh	le
12	000432	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	Nữ	09	445	3,8	1	Ly	chấn
13	000433	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	Nữ	09	446	4,0	1	My	le
14	000434	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	Nữ	09	447	3,5	1	My	chấn
15	000435	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	Nam	09	448	3,8	1	Nam	le
16	000436	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	Nữ	09	449	1,5	1	Ngọc	chấn
17	000437	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	Nam	09	450	2,0	1	Phúc	le
18	000438	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	Nam	09	451	3,0	1	Phúc	chấn
19	000439	1201011379	Đào Minh	Phương	13/02/2006	NH12B	Nữ	09	452	5,5	1	Phương	chấn
20	000440	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	Nam	09	453	2,0	1	Quân	chấn
21	000441	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	Nam	09	454	5,0	1	Son	le
22	000442	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	Nam	09	455	4,0	1	Thế	chấn
23	000443	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	Nam	09	456	6,0	1	Thắng	le
24	000444	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	Nữ	09	457	2,5	1	Thư	chấn
25	000445	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	Nữ	09	458	5,0	1	Trang	le

Tổng số sinh viên dự thi: 25...

Tổng số tờ giấy thi: 25...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Nga

Nguyễn Thị Trang



571-600

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000446	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	Nam	09					ĐK
2	000447	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	Nam	09	571	3,5	1	Tuấn	lẻ
3	000448	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	Nam	09	572	Một	1	Việt	chẵn
4	000449	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	Nữ	09	573	8,0	1	Hải	lẻ
5	000450	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	Nam	10					HP
6	000451	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	Nam	10	574	5,0	1	Phú	lẻ
7	000452	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	Nam	10	575	5,8	1	Bách	chẵn
8	000453	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	Nam	10	576	5,0	1	Bình	lẻ
9	000454	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	Nam	10	577	6,0	1	Cương	chẵn
10	000455	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	Nam	10	578	4,5	1	Chí	lẻ
11	000456	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	Nam	10	579	2,5	1	Dan	chẵn
12	000457	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	Nữ	10	580	5,3	1	Duyên	lẻ
13	000458	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	Nữ	10	581	5,8	1	Hoa	chẵn
14	000459	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	Nữ	10	582	5,5	1	Hà	lẻ
15	000460	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	Nữ	10	583	3,0	1	Hồng	chẵn
16	000461	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	Nữ	10	584	7,5	1	Hường	lẻ
17	000462	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	Nam	10	585	2,0	1	Nam	chẵn
18	000463	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	Nam	10					ĐK
19	000464	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	Nam	10	586	2,0	1	Khoa	chẵn
20	000465	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	Nam	10	587	7,8	1	Linh	lẻ
21	000466	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	Nữ	10	588	6,0	1	Thùy	chẵn
22	000467	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	Nữ	10	589	4,5	1	Thùy	lẻ
23	000468	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	Nam	10	590	5,0	1	Long	chẵn
24	000469	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	Nữ	10	591	5,3	1	Mai	lẻ
25	000470	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	Nam	10	592	4,3	1	Đức	chẵn
26	000471	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	Nam	10					HP
27	000472	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	Nữ	10	593	7,0	1	Ngọc	chẵn
28	000473	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	Nữ	10	594	4,5	1	Như	lẻ
29	000474	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	Nữ	10	595	3,5	1	Phúc	chẵn
30	000475	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	Nữ	10	596	4,3	1	Phương	lẻ
31	000476	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	Nữ	10	597	2,5	1	Phương	chẵn
32	000477	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	03/11/2005	QT12A	Nữ	10	598	3,3	1	Quỳnh	lẻ
33	000478	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	Nữ	10	599	2,3	1	Thoa	chẵn
34	000479	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	Nữ	10	600	4,3	1	Trang	lẻ
35	000480	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	Nữ	10					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....30

Tổng số tờ giấy thi:.....30

Tổng số biên bản:.....C

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Đỗ Phi Trỗi

[Signature]
Phạm Thị Hương Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000481	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	Nam	10	644	6,5	01	Triệu	le'
2	000482	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	Nam	10	645	3,0	01	Vũ	chấn
3	000483	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	Nam	10	646	6,8	01	Anh	le'
4	000484	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	Nam	10	647	3,5	01	Anh	chấn
5	000485	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	Nữ	10	648	6,3	01	Anh	le'
6	000486	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	Nữ	10	649	6,5	01	Băng	chấn
7	000487	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	Nam	10	650	6,0	01	Cường	le'
8	000488	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	Nam	10	651	4,3	01	Đức	chấn
9	000489	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	Nữ	10	652	7,0	01	Dung	le'
10	000490	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	Nam	10					HP vắng
11	000491	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	Nam	10					vắng
12	000492	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	Nữ	10	653	8,5	01	Hằng	Hằng chấn
13	000493	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	Nam	10					HP vắng
14	000494	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	Nam	10	654	3,8	01	Hùng	chấn
15	000495	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	Nam	10	655	6,3	01	Hung	le'
16	000496	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	Nam	10	656	3,0	01	Huy	chấn
17	000497	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	Nam	10	657	4,5	01	Khánh	le'
18	000498	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	Nữ	10	658	7,0	01	Linh	chấn
19	000499	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	Nữ	10	659	3,8	01	Linh	le'
20	000500	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	Nữ	10	660	4,5	01	Linh	chấn
21	000501	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	Nữ	10	661	8,0	02	My	le'
22	000502	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	Nữ	10	662	6,3	01	Nguyệt	chấn
23	000503	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	Nữ	10	663	9,0	01	Nhung	le'
24	000504	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	Nữ	10	664	6,0	01	Quyên	chấn
25	000505	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	Nam	10	665	2,8	01	Thái	le'
26	000506	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	Nữ	10	666	2,5	01	Trang	chấn
27	000507	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	Nữ	11	667	5,0	01	Anh	le'
28	000508	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	Nữ	11	668	4,0	02	Anh	chấn
29	000509	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	Nữ	11	669	1,5	01	Anh	le'
30	000510	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	Nữ	11	670	4,3	01	Anh	chấn
31	000511	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	Nữ	11					HP,ĐK
32	000512	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	Nữ	11	671	3,3	01	Anh	chấn
33	000513	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	Nữ	11	672	4,3	01	Anh	le'
34	000514	1201031769	Nguyễn Đức	Cánh	13/03/2006	QT12C	Nam	11					HP,ĐK
35	000515	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	Nam	11	673	7,5	01	Đặng	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Bích

Nguyễn Thị Văn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000516	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	Nam	11	223	4,5	01	Đạt	Chấn
2	000517	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	Nam	11	224	4,5	01	Đức	le'
3	000518	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	Nữ	11	225	2,8	02	Dung	Chấn
4	000519	1201030797	Đình Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	Nữ	11	226	5,3	01	Dương	le'
5	000520	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	Nam	11	227	4,5	01	Dương	Chấn
6	000521	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	Nam	11	228	4,5	01	Duy	le'
7	000522	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	Nữ	11	229	8,8	02	Hà	Chấn
8	000523	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	Nam	11	230	3,0	01	Hải	le'
9	000524	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	Nữ	11	231	2,8	01	Hằng	Chấn
10	000525	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	Nam	11	232	4,5	01	Hu	le'
11	000526	1201031553	Bế Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	Nữ	11	233	7,0	01	Hoài	Chấn
12	000527	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	Nam	11	234	3,5	01	Huân	le'
13	000528	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	Nam	11	235	3,0	01	Huân	Chấn
14	000529	1201030860	Đỗ Duy	Hưng	29/09/2006	QT12C	Nam	11					HP,ĐK
15	000530	1201031660	Nguyễn Văn	Hưng	05/12/2006	QT12C	Nam	11					HP,ĐK
16	000531	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	Nữ	11	236	4,3	01	le'	Nguyễn
17	000532	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	Nữ	11	237	3,9	01	Chấn	Khánh
18	000533	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	Nam	11	238	3,8	01	le'	Khánh
19	000534	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	Nữ	11	239	6,0	01	le'	Lan
20	000535	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	Nữ	11					HP,ĐK
21	000536	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	Nữ	11	240	3,3	01	Chấn	linh
22	000537	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	Nữ	11	241	3,8	1	Linh	le'
23	000538	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	Nam	11	242	3,3	01	Long	Chấn
24	000539	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	Nữ	11	243	3,8	01	ly	le'
25	000540	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	Nam	11	244	3,5	01	Mạnh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 23

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

2h
Nguyễn Hoàng

Đoàn Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

Đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000541	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	Nam	11	674	4,3	1	Minh	Lẻ
2	000542	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	Nam	11	675	3,0	1	Minh	Chẵn
3	000543	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	Nữ	11	676	4,3	1	My	Lẻ
4	000544	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	Nam	11	677	4,3	1	Ngọc	Chẵn
5	000545	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	Nữ	11	678	6,5	1	Nhi	Lẻ
6	000546	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	Nam	11	679	5,0	1	Quân	Chẵn
7	000547	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	Nữ	11	680	3,0	1	Quỳnh	Lẻ
8	000548	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	Nam	11	681	1,5	1	Thái	Chẵn
9	000549	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	Nữ	11	682	4,8	1	Thảo	Lẻ
10	000550	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	Nam	11	683	3,8	1	Thọ	Chẵn
11	000551	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	Nữ	11	684	5,5	1	Trang	Lẻ
12	000552	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	Nữ	11	685	3,0	1	Trang	Chẵn
13	000553	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	Nữ	11	686	3,0	1	Trang	Lẻ
14	000554	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	Nữ	11	687	3,5	1	Trang	Chẵn
15	000555	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	Nữ	11	688	8,5	1	Trang	Lẻ
16	000556	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	Nam	11	689	5,8	1	Tuấn	Chẵn
17	000557	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	Nam	11	690	5,0	1	Ước	Lẻ
18	000558	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	Nam	12	691	4,0	1	Nam	Chẵn
19	000559	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	Nam	12	692	1,8	1	Đỗ	Lẻ
20	000560	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	Nữ	12					ĐK
21	000561	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	Nam	12					HP, ĐK
22	000562	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	Nữ	12	693	8,5	1	Anh	Chẵn
23	000563	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	Nữ	12	694	5,3	1	Anh	Lẻ
24	000564	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	Nam	12					HP, ĐK
25	000565	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	Nữ	12	695	2,0	1	Anh	Lẻ
26	000566	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	Nam	12	696	3,5	1	Cao	Chẵn
27	000567	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	Nữ	12	697	3,0	1	Châu	Lẻ
28	000568	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	Nam	12	698	3,5	1	Cương	Chẵn
29	000569	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	Nam	12	699	3,8	1	Đức	Lẻ
30	000570	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	Nam	12	700	2,5	1	Đức	Chẵn
31	000571	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	Nữ	12	701	6,0	1	Thùy	Lẻ
32	000572	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	Nữ	12	702	3,0	1	Duyên	Chẵn
33	000573	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	Nam	12	703	3,5	1	Trường	Lẻ
34	000574	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	Nữ	12	704	3,0	1	Hà	Chẵn
35	000575	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	Nam	12	705	2,3	1	Hào	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 32...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thi Thị Liên

Trần Ngọc Lan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000576	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	Nam	12	32	4,0	01	Hiếu	chấn
2	000577	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	Nam	12	33	4,0	01	Hoan	le'
3	000578	1201030859	Đinh Văn	Hung	14/04/2006	QM12A	Nam	12	34	4,3	01	Hung	chấn
4	000579	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	Nữ	12	35	7,3	01	Hương	le'
5	000580	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	Nữ	12					HP,ĐK
6	000581	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	Nữ	12	36	6,8	01	Linh	le'
7	000582	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	Nữ	12	37	6,7	01	Linh	chấn
8	000583	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	Nữ	12	38	6,0	01	Linh	le'
9	000584	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	Nữ	12	39	3,8	01	Linh	chấn
10	000585	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	Nam	12	40	2,8	01	Long	le'
11	000586	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	Nam	12	41	2,6	01	Long	chấn
12	000587	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	Nữ	12	42	5,5	01	Ly	le'
13	000588	1201030953	Nguyễn Hoàng	Tuyết Mai	05/08/2006	QM12A	Nữ	12	43	5,8	01	Mai	chấn
14	000589	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	Nam	12	44	5,3	01	Minh	le'
15	000590	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	Nam	12	45	2,5	01	Minh	chấn
16	000591	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	Nữ	12	46	2,3	01	A	le'
17	000592	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	Nữ	12	47	7,0	01	Ngân	chấn
18	000593	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	Nữ	12	48	5,8	01	Ngọc	le'
19	000594	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	Nữ	12	49	4,5	01	Nguyệt	chấn
20	000595	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	Nữ	12	50	2,3	01	Oanh	le'
21	000596	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	Nữ	12	51	4,5	01	Phương	chấn
22	000597	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	Nữ	12	52	7,0	01	Phương	le'
23	000598	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	Nữ	12	53	5,5	01	Quyên	chấn
24	000599	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	Nam	12	54	3,0	01	Son	le'
25	000600	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	Nam	12	55	3,3	01	Thái	chấn
26	000601	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	Nữ	12	56	2,5	01	Thảo	le'
27	000602	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	Nữ	12	57	3,8	01	Thảo	chấn
28	000603	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	Nữ	12	58	4,0	01	Thu	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000604	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	Nữ	12	59	5,3	1	Phụ 6	Chấn
30	000605	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	Nữ	12	60	4,5	1	Phụ 6	Le'
31	000606	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	Nữ	12	61	3,5	1	Phụ 6	chấn
32	000607	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	Nữ	12					Vàng
33	000608	1201031112	Đặng Thị	Trình	29/01/2006	QM12A	Nữ	12	62	4,0	1	Trình	chấn
34	000609	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	Nữ	12	63	6,0	1	Phụ 6	le
35	000610	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	Nam	12	64	2,8	1	Tùng	chấn
36	000611	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	Nữ	12					HP,ĐK
37	000612	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	Nam	12	65	Không	1	Phụ 6	chấn
38	000613	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	Nam	12	66	1,8	1	Phụ 6	le

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 1.....

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Minh Nhật Trần Thị Bích Thục



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000614	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	Nữ	13	93	5.8	1	<i>Đạt</i>	Chấn
2	000615	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	Nữ	13	94	5.5	1	<i>Đạt</i>	Đạt
3	000616	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	Nữ	13	95	8.8	1	<i>Đạt</i>	Chấn
4	000617	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	Nam	13	96	2.5	1	<i>Đạt</i>	Đạt
5	000618	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	Nữ	13	97	7.5	1	<i>Đạt</i>	Chấn
6	000619	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	Nữ	13	98	3.8	1	<i>Đạt</i>	Đạt
7	000620	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	Nữ	13	99	4.5	1	<i>Châm</i>	Chấn
8	000621	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	Nữ	13	100	7.5	1	<i>Chiều</i>	Đạt
9	000622	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	Nữ	13	101	8.5	1	<i>Dương</i>	Chấn
10	000623	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	Nam	13					
11	000624	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	Nữ	13	102	9.0	1	<i>Giang</i>	Chấn
12	000625	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	Nữ	13	103	6.8	1	<i>Hà</i>	Đạt
13	000626	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	Nữ	13	104	5.5	1	<i>Hào</i>	Chấn
14	000627	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	Nữ	13	105	7.0	1	<i>Hiên</i>	Đạt
15	000628	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	Nam	13	106	4.0	1	<i>Hiếu</i>	Chấn
16	000629	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	Nam	13	107	5.5	1	<i>Hùng</i>	Đạt
17	000630	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	Nữ	13	108	6.0	1	<i>Huyền</i>	Chấn
18	000631	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	Nam	13	109	4.3	1	<i>V.Kiên</i>	Đạt
19	000632	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	Nam	13					HP,ĐK
20	000633	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	Nữ	13					HP
21	000634	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	Nữ	13	110	8.0	1	<i>Linh</i>	Chấn
22	000635	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	Nữ	13	111	4.0	1	<i>Linh</i>	Đạt
23	000636	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	Nữ	13	112	7.0	1	<i>Linh</i>	Chấn
24	000637	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	Nữ	13	113	3.5	1	<i>Linh</i>	Đạt
25	000638	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	Nữ	13	114	3.0	1	<i>Linh</i>	Chấn
26	000639	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	Nữ	13	115	3.5	1	<i>Phan</i>	Đạt
27	000640	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	Nam	13	116	5.8	1	<i>Long</i>	Chấn
28	000641	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	Nam	13					ĐK
29	000642	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	Nữ	13	117	3.8	1	<i>Mai</i>	Chấn
30	000643	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	Nam	13					
31	000644	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	Nữ	13	118	5.8	1	<i>Ngoan</i>	Chấn
32	000645	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	Nữ	13	119	3.5	1	<i>Ngọc</i>	Đạt
33	000646	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	Nữ	13	120	5.1	1	<i>Oanh</i>	Chấn
34	000647	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	Nam	13	121	3.5	1	<i>Phúc</i>	Đạt
35	000648	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	Nữ	13	122	5.5	1	<i>Phường</i>	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan
Đào Thị Hằng

Vũ
Bùi Thị Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000649	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	Nữ	13	—	—	—	—	ĐK
2	000650	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	Nam	13	601	5,8	1	Quang	Chấn
3	000651	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	Nam	13	602	5,5	1	Sáng	le
4	000652	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	Nam	13	603	5,1	1	Son	Chấn
5	000653	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	Nữ	13	604	3,3	1	Tâm	Le
6	000654	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	Nam	13	—	—	—	—	HP,ĐK
7	000655	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	Nữ	13	605	4,0	1	Thuy	le
8	000656	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	Nữ	13	606	6,8	1	Thanh	Chấn
9	000657	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	Nữ	13	607	4,3	1	Thuy	le
10	000658	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	Nam	13	608	4,8	1	Tiến	Chấn
11	000659	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	Nữ	13	609	7,8	1	Trang	le
12	000660	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	Nữ	13	610	3,8	1	Trang	Chấn
13	000661	1201031575	Nguyễn Việt	Trình	19/09/2006	QM12B	Nữ	13	611	5,0	1	Trình	le
14	000662	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	Nữ	13	612	4,8	1	Tú	Chấn
15	000663	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyền	06/08/2006	QM12B	Nam	13	613	4,5	1	Tuyền	le
16	000664	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	Nữ	14	614	2,8	1	Vinh	Chấn
17	000665	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	Nam	14	615	3,0	1	Phong	HP le
18	000666	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	Nam	14	616	6,4	1	Thanh	Chấn
19	000667	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	Nam	14	—	—	—	—	HP,ĐK
20	000668	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	Nữ	14	618	5,3	1	An	Chấn
21	000669	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	Nam	14	—	—	—	—	 vắng
22	000670	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	Nữ	14	619	4,8	1	Anh	Chấn
23	000671	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	Nữ	14	620	5,3	1	Anh	le
24	000672	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	Nữ	14	621	3,5	1	Anh	Chấn
25	000673	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	Nam	14	616	4,0	1	Bách	le

Tổng số sinh viên dự thi: *21*...

Tổng số tờ giấy thi: *21*...

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *12* tháng *01* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương *Nguyễn Mạnh Hùng*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000674	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	Nam	14	459	6,5	01	<i>Đường</i>	<i>Chấn</i>
2	000675	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	Nam	14	460	7,0	01	<i>Đức</i>	<i>Lê</i>
3	000676	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	Nam	14	461	7,5	01	<i>Đức</i>	<i>Chấn</i>
4	000677	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	Nam	14	462	5,0	01	<i>Đức</i>	<i>Lê</i>
5	000678	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	Nam	14	463	4,1	01	<i>Đức</i>	<i>Chấn</i>
6	000679	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	Nữ	14	464	4,5	01	<i>Dương</i>	<i>Lê</i>
7	000680	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	Nam	14					HP,ĐK
8	000681	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	Nữ	14	465	4,5	01	<i>Duyên</i>	<i>Lê</i>
9	000682	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	Nữ	14	466	6,5	01	<i>Duyên</i>	<i>Chấn</i>
10	000683	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	Nữ	14	467	4,5	01	<i>Giang</i>	<i>Lê</i>
11	000684	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	Nữ	14	468	6,0	01	<i>Huệ</i>	<i>Chấn</i>
12	000685	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	Nam	14	469	2,8	01	<i>Hung</i>	<i>Chấn</i>
13	000686	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	Nữ	14	470	7,5	01	<i>Linh</i>	<i>Chấn</i>
14	000687	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	Nữ	14	471	5,8	01	<i>Linh</i>	<i>Lê</i>
15	000688	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	Nữ	14	472	6,6	01	<i>Mai</i>	<i>Chấn</i>
16	000689	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	Nữ	14	473	6,8	01	<i>Linh</i>	<i>Lê</i>
17	000690	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	Nam	14	474	2,8	01	<i>Long</i>	<i>Chấn</i>
18	000691	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	Nữ	14	475	6,0	01	<i>Mai</i>	<i>Lê</i>
19	000692	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	Nữ	14	476	8,0	01	<i>Mai</i>	<i>Chấn</i>
20	000693	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	Nam	14	477	2,8	01	<i>Mạnh</i>	<i>Lê</i>
21	000694	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	Nam	14	478	7,7	01	<i>Mạnh</i>	<i>Chấn</i>
22	000695	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	Nữ	14	479	4,3	01	<i>Minh</i>	<i>Lê</i>
23	000696	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	Nữ	14	480	6,8	01	<i>My</i>	<i>Chấn</i>
24	000697	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	Nữ	14	481	5,8	01	<i>Thu</i>	<i>Lê</i>
25	000698	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	Nữ	14	482	6,5	01	<i>Ngọc</i>	<i>Chấn</i>
26	000699	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	Nữ	14	483	4,0	01	<i>Như</i>	<i>Lê</i>
27	000700	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	Nữ	14	484	5,5	01	<i>Nhung</i>	<i>Chấn</i>
28	000701	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	Nữ	14	485	3,3	01	<i>Oanh</i>	<i>Lê</i>
29	000702	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	Nam	14	486	4,3	01	<i>Tài</i>	<i>Chấn</i>
30	000703	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	Nữ	14	487	4,3	01	<i>Thảo</i>	<i>Lê</i>
31	000704	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	Nữ	14	488	6,3	01	<i>Thảo</i>	<i>Chấn</i>
32	000705	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	Nữ	14	489	4,0	01	<i>Thảo</i>	<i>Lê</i>
33	000706	1201081799	Dương Đình	Thi	14/06/2004	TM12A	Nam	14					HP,ĐK
34	000707	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	Nữ	14	490	6,0	01	<i>Thương</i>	<i>Lê</i>
35	000708	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	Nữ	14	491	6,0	01	<i>Thúy</i>	<i>Chấn</i>

Tổng số sinh viên dự thi:.....*33*.....

Tổng số tờ giấy thi:.....*23*.....

Tổng số biên bản:.....*0*.....

Ngày *12* tháng *01* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đinh.T. Luyện

Phạm Thị Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000709	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	Nữ	14	155	3,0	1	Thùy	lẻ
2	000710	1201080609	Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	Nữ	14					
3	000711	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	Nữ	14	156	5,3	1	Trang	lẻ
4	000712	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	Nữ	14	157	2,0	1	Trang	chẵn
5	000713	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	Nữ	14	158	6,0	1	Uyên	lẻ
6	000714	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	Nữ	14	159	4,3	1	Yến	chẵn
7	000715	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	Nữ	14	160	5,5	1	Yến	lẻ
8	000716	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	Nữ	15	161	5,0	1	Hoài	chẵn
9	000717	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	Nam	15	162	4,5	1	Anh	lẻ
10	000718	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	Nữ	15	163	5,8	1	Anh	chẵn
11	000719	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	Nữ	15	164	5,3	1	Hiền	lẻ
12	000720	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	Nữ	15	165	3,5	1	Hiền	chẵn
13	000721	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	Nam	15	166	5,5	1	Hiếu	lẻ
14	000722	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	Nữ	15	167	5,0	1	Huế	chẵn
15	000723	1201070642	Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	Nam	15	168	5,0	1	Huy	lẻ
16	000724	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	Nữ	15	169	5,3	1	Ngọc	chẵn
17	000725	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	Nam	15	170	5,5	1	Phúc	lẻ
18	000726	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	Nữ	15	171	4,0	1	Trang	chẵn
19	000727	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	Nữ	15	172	3,8	1	Yến	lẻ
20	000728	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	Nữ	15	173	4,0	1	M. Anh	chẵn
21	000729	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	Nữ	15	174	4,3	1	Anh	lẻ
22	000730	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	Nữ	15	175	4,8	1	Anh	chẵn
23	000731	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	Nam	15	176	4,5	1	Anh	lẻ
24	000732	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	Nam	15	177	4,5	1	Anh	chẵn
25	000733	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	Nữ	15	178	6,0	1	Hằng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 24

Tổng số tờ giấy thi: 24

Tổng số biên bản: 2

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Hoa

Đào Thị Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000734	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	Nam	15	492	5,2	01	Hùng	chấn
2	000735	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	Nam	15	493	4,0	01	Huy	lê
3	000736	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	Nữ	15	494	6,8	01	Lan	chấn
4	000737	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	Nữ	15	495	6,3	01	Linh	lê
5	000738	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	Nữ	15	496	5,3	01	Linh	chấn
6	000739	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	Nữ	15	497	5,0	01	Ngân	lê
7	000740	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	Nữ	15	498	4,8	01	Oanh	chấn
8	000741	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	Nữ	15	499	7,0	01	Phương	lê
9	000742	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	Nữ	15	500	3,5	01	Quỳnh	chấn
10	000743	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	Nữ	15	501	6,3	01	Thư	lê
11	000744	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	Nam	15	502	6,0	01	Tuấn	chấn
12	000745	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	Nữ	15	503	4,0	01	Yến	lê
13	000746	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	Nữ	15	504	7,0	01	Anh	chấn
14	000747	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	Nữ	15	505	7,0	01	Chiên	lê
15	000748	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	Nam	15	506	3,5	01	Cường	chấn
16	000749	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	Nữ	15	507	3,0	01	Hà	lê
17	000750	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	Nữ	15	508	4,0	01	Lan	chấn
18	000751	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	Nữ	15	509	3,0	01	Linh	lê
19	000752	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	Nam	15	510	4,3	01	Linh	chấn
20	000753	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	Nữ	15	511	3,8	01	Nhung	lê
21	000754	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	Nữ	15	512	7,8	01	Phương	chấn
22	000755	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	Nam	15	513	3,5	01	Son	lê
23	000756	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	Nữ	15	514	1,5	01	Thanh	chấn
24	000757	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	Nữ	15	515	5,0	01	Thảo	lê
25	000758	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	Nữ	15	516	5,8	01	Trà	chấn
26	000759	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	Nữ	15	517	4,8	01	Trang	lê
27	000760	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	Nữ	15	518	6,5	01	Trình	chấn
28	000761	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	Nam	15	519	4,3	01	Việt	lê
29	000762	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	Nam	15	520	4,3	01	Vinh	chấn
30	000763	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	Nữ	15	521	8,8	01	Vy	lê
31	000764	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	Nam	15	522	5,8	01	Long	chấn
32	000765	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	Nữ	15	523	3,3	01	Ngọc	lê
33	000766	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	Nữ	15	524	8,8	01	Linh	chấn
34	000767	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	Nam	15	525	4,8	01	Khiêm	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 24.....

Tổng số tờ giấy thi: 25.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Dung

Bu T. Khoa 8 Huyền

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nguyễn Thị Thùy Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000768	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	Nam	16	550	7,0	1	An	Chấn
2	000769	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	Nữ	16	551	7,0	2	Anh	lẻ
3	000770	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	Nữ	16	552	9,0	1	Anh	chấn
4	000771	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	16	553	5,3	2	Chi	lẻ
5	000772	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	Nam	16	554	6,0	1	Dũng	Chấn
6	000773	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	Nam	16					HP,ĐK
7	000774	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	16					ĐK
8	000775	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	16					ĐK
9	000776	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	16	555	5,5	01	Hoa	chấn
10	000777	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	16	556	6,5	01	Hoàng	lẻ
11	000778	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	16	557	4,8	2	Hoàng	chấn
12	000779	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam	16	558	3,3	01	Huy	lẻ
13	000780	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	Nữ	16	559	5,0	01	Linh	chấn
14	000781	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	16	560	4,3	01	Ly	lẻ
15	000782	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	16					HP
16	000783	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	Nữ	16	561	5,3	01	Nga	lẻ
17	000784	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	16	562	3,0	01	Nga	Chấn
18	000785	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	Nữ	16	563	5,8	01	Ngọc	lẻ
19	000786	1201060519	Lêng Thái	Nguyễn	25/10/2006	KA12A	Nam	16	564	5,5	01	Nguyễn	chấn
20	000787	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	Nam	16	565	6,0	01	Nhật	lẻ
21	000788	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	16	566	6,0	01	Quỳnh	chấn
22	000789	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	16	567	7,3	01	Tâm	lẻ
23	000790	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	16	568	5,3	01	Thảo	chấn
24	000791	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	Nữ	16	569	5,3	01	Thảo	lẻ
25	000792	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	16	570	4,8	01	Thư	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 21....

Tổng số tờ giấy thi: 24....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. M.

Đặng Hoài Nam



67-92

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

Chấm/le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000793	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	Nam	16	67	6,0	1	Đoàn	le?
2	000794	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	Nữ	16	68	2,8 = không	1	Trang	Chấn (BB)
3	000795	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	Nam	16	69	5,3	1	Trung	le?
4	000796	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	Nam	16	70	2,0	1	Tú	chấn
5	000797	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	Nam	16	71	8,5 = không	2	Vũ	le? (BB)
6	000798	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	Nữ	16	72	5,8	1	Vy	Chấn
7	000799	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	Nữ	16	73	4,0	1	Anh	le?
8	000800	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	Nữ	16	74	4,0	1	Anh	chấn
9	000801	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	Nữ	16	75	4,0	1	Hải	le?
10	000802	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	Nữ	16	76	5,5	1	Ánh	chấn
11	000803	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam	16	77	3,3	1	Đoàn	le?
12	000804	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	16	78	3,5	1	Bùi	Chấn
13	000805	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	16	79	4,5	1	Dung	le?
14	000806	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	Nam	16					ĐK
15	000807	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	Nữ	16	80	4,0	1	Linh	le?
16	000808	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	16	81	2,0	1	Mai	chấn
17	000809	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	Nam	16					ĐK
18	000810	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	Nữ	16	82	3,0	1	Tâm	Chấn
19	000811	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	Nữ	16	83	7,0	1	Thu	le?
20	000812	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	Nữ	16	84	5,5	1	Vi	Chấn
21	000813	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	Nam	16	85	3,8	1	Anh	le?
22	000814	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	Nữ	16					ĐK
23	000815	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	Nam	16					HP, ĐK
24	000816	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	Nam	16					ĐK
25	000817	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	Nam	17	86	2,5	1	Đỗ Anh	le?
26	000818	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	Nữ	17	87	3,8	1	Đỗ Kiều	Chấn
27	000819	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	Nữ	17	88	3,8	1	Ánh	le?
28	000820	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	Nam	17	89	4,8	1	Định	Chấn
29	000821	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	Nam	17	90	4,0	1	Giang	le?
30	000822	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	Nữ	17	91	3,8	1	Hạnh	Chấn
31	000823	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	Nữ	17	92	3,8	1	Huệ	le?

Tổng số sinh viên dự thi: 26.....
Tổng số tờ giấy thi: 27.....
Tổng số biên bản: 02.....

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền

Vũ Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Xã hội học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000824	1201040021	Đặng Duy	Hung	07/10/2006	CT12A	Nam	17					Vắng
2	000825	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	Nam	17	179	4,5	01	Huy	lẻ
3	000826	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	Nam	17	180	3,5	01	Huy	chẵn
4	000827	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	Nữ	17	181	6,0	01	Huyền	lẻ
5	000828	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	Nam	17	182	4,0	01	Khánh	chẵn
6	000829	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	Nữ	17	183	6,3	01	Linh	lẻ
7	000830	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	Nữ	17	184	5,5	01	Linh	chẵn
8	000831	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	Nữ	17	185	6,5	01	Linh	lẻ
9	000832	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	Nam	17	186	3,3	01	Long	chẵn
10	000833	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	Nam	17	187	4,3	01	Minh	lẻ
11	000834	1201040659	Đình Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	Nam	17	188	5,0	01	Phong	chẵn
12	000835	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	Nam	17	189	5,0	01	Tài	lẻ
13	000836	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	Nam	17	190	4,5	01	Thành	chẵn
14	000837	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	Nữ	17	191	6,8	01	Thư	lẻ
15	000838	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	Nữ	17	192	5,8	01	Trang	chẵn
16	000839	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	Nam	17	193	5,3	01	Tuấn	lẻ
17	000840	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	Nam	17	194	4,0	01	Tường	chẵn
18	000841	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	Nam	17					HP,ĐK
19	000842	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	Nam	17					HP,ĐK
20	000843	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	Nam	17	195	3,3	01	Đức	lẻ
21	000844	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	Nữ	17	196	5,0	01	Chi	chẵn
22	000845	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	Nam	17	197	3,0	01	Lâm	lẻ
23	000846	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	Nam	17	198	5,5	01	Bộ	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 20

Tổng số tờ giấy thi: 20

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tham Việt Thương

Đoàn Thị Linh